

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2021.
V/v: Tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thủy và ông Ma Đức Hải.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 4 năm 2021, ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc " Tranh chấp chia thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Phong H**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 9/5 Trần Nguyên H, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P theo giấy ủy quyền ngày 23/7/2020).

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P.

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh P.

(Bà K ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2020).

4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

(Bà Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2020).

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P.

(Chị T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P theo giấy ủy quyền ngày 19/02/2020).

6. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 105/7E Trần Quang D, quận B, thành phố C.

7. Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 105/7E Trần Quang D, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bố mẹ bà H là cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết năm 2017). Trước khi chết bố mẹ bà sống tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P và có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m², địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P, được ủy ban nhân dân huyện Phong Châu (Nay là UBND huyện Lâm Thao) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị K ngày 05/6/1997 và nhà cấp 04 tổng diện tích khoảng 99m². Thửa đất này bố mẹ tôi ở từ khoảng năm 1967. Khi bố mẹ còn sống bà H ở cùng bố mẹ. Trước khi bố bà chết có để lại di chúc. Bản di chúc viết tay của bố bà H là ông Nguyễn Văn C, bà đã cũng cấp cho tòa án bản phô phô di chúc này. Trước khi chết mẹ bà, cụ Nguyễn Thị K không để lại di chúc. Bố mẹ bà khi sống sinh được 06 người con:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (chết năm 1993). Bà T có 04 người con là: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1987, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1954, địa chỉ: 9/5, Trần Nguyễn H, thành phố B, tỉnh Đ.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P.

4. Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.
5. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh P.
6. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

Ngoài những người con trên bố mẹ bà H không còn người con nào khác.

Nay quan điểm của bà H là đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích thực tế theo biên bản thẩm định là $752m^2$, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, nhất trí không xem xét bản viết tay dặn dò của ông Nguyễn Văn C trước khi chết để lại.

- Đề nghị giao các phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật của ông Nguyễn Văn M, Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị P, Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P cho bà H. Ngoài ra bà không có đề nghị gì khác.

Ý kiến của bị đơn: Tại các lời khai trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại tòa án và tại phiên tòa ông Nguyễn Phong H trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết năm 2017). Trước khi chết bố mẹ ông sống tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P và có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích $760m^2$, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P, được ủy ban nhân dân huyện Phong Châu (Nay là UBND huyện Lâm Thao) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị K ngày 05/6/1997 và các tài sản trên đất. Bản viết tay của cụ Nguyễn Văn C mà chị H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của cụ Nguyễn Văn C. Đây không phải là di chúc của bố tôi để lại mà đây chỉ là bản viết tay dặn dò của bố tôi trước khi chết. Trước khi chết mẹ ông H cũng không để lại di chúc. Bố mẹ ông khi sống sinh được 06 người con:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952, chết năm 1993. Bà Nguyễn Thị T có 04 người con: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1987, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954, địa chỉ: 9/5, Trần Nguyễn H, thành phố B, tỉnh Đ.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P.

4. Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

5. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh P.

6. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P.

Ngoài những người con trên bố mẹ ông H không còn người con nào khác.

Nay quan điểm của ông H là yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên theo hiện trạng hiện nay đang sử dụng là 752m². Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H ½ thừa đất còn ½ để làm nhà từ đường. Nếu cách chia trên không được thì ông đề nghị để ra 100m² đất của thừa đất trên để làm nhà từ đường và đứng tên ông H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất còn lại thì đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông H không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 vì ngôi nhà không còn giá trị sử dụng, ngoài ra ông H không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Ông Nguyễn Phong H nhất trí không xem xét bản viết tay dặn dò của ông Nguyễn Văn C trước khi chết để lại.

Tại đơn đề nghị ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa ông Nguyễn Phong H trình bày: Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 và sân gạch phía trước là nhà của bố mẹ ông là nơi thờ cúng cội nguồn, hiện nay vẫn sử dụng chung ông đề nghị giữ lại nguyên vẹn làm nơi tâm linh thờ cúng chung của con cháu và được giữ gìn bảo vệ lâu dài. Các diện tích còn lại chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bố mẹ bà P là cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết năm 2017). Trước khi chết bố mẹ bà sống tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P và có tạo lập được khối tài sản là thừa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m², địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P, được ủy ban nhân dân huyện Phong Châu (Nay là UBND huyện Lâm Thao) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị K ngày 05/6/1997 và nhà cấp 04 tổng diện tích khoảng 99m². Thừa đất này bố mẹ bà ở từ khoảng năm 1967. Trước khi bố bà chết có để lại di chúc. Bản di chúc viết tay của bố bà P là ông Nguyễn Văn C. Năm 2017 mẹ bà là cụ Nguyễn Thị K chết không để lại di chúc. Bố mẹ bà khi sống sinh được 06 người con:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952, chết năm 1993. Bà Thắng có 04 người con là: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh P. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1987, địa chỉ: 105/7E, Trần Quang D, quận B, thành phố C.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958.

4. Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1959.

5. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966.

6. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971.

Ngoài những người con trên bố mẹ bà P không còn người con nào khác.

Bà P nhất trí với quan điểm của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày và đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị giao toàn bộ phần thừa kế được hưởng cho bà H sở hữu, sử dụng.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T đã gửi văn bản từ chối nhận di sản thừa kế theo pháp luật có chứng nhận của công chứng viên, Văn phòng công chứng Trần Văn M, địa chỉ: số 110 đường C, phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận B, thành phố C.

3. Anh Nguyễn Hồng P.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồng P đã gửi văn bản từ chối nhận di sản thừa kế theo pháp luật có chứng nhận của công chứng viên, Văn phòng công chứng Trần Văn M, địa chỉ: số 110 đường C, phường B, Quận B, thành phố C.

4. Tại bản tự khai và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Bà H nhất trí với ý kiến bà đã trình bày ở trên không thay đổi bổ sung gì, bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà H đề nghị giao các phần di sản được hưởng của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị T cho bà H. Ngoài ra bà không có đề nghị gì khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu H.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H được quyền sử dụng diện tích đất 625m² (trong đó 150m² đất ở và 475m² đất vườn).

- Giao cho ông Nguyễn Phong H được quyền sử dụng diện tích đất 127m² (trong đó 50m² đất ở và 77m² đất vườn).

- Ông Nguyễn Phong H không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị đất ở và đất vườn cho bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu H xin chịu toàn bộ lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 5.000.000đ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Phong H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bị đơn ông Nguyễn Phong H, có HKTT tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P. Do đó xác định đây là “Tranh chấp chia thừa kế” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hồng P vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh P là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Thời điểm mở thừa kế: Theo khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự, cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết năm 2017). Thời điểm mở thừa kế là năm 1992.

[2.2] Thời hiệu thừa kế: Cụ Nguyễn Văn C chết năm 1992. Ngày 30/12/2019 bà Hiền nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Như vậy vẫn còn thời hiệu chia thừa kế.

[2.3] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu H đối với di sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m², địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P, được ủy ban nhân dân huyện Phong Châu (Nay là UBND huyện Lâm Thao) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị K ngày 05/6/1997. Bà H, bà P và ông Nguyễn Phong H đều thừa nhận bố mẹ ông H, bà H, bà P là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (chết năm 1992) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết năm 2017). Khi chết 2 cụ có để lại di sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, diện tích 760m², địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P, được Ủy ban nhân dân huyện Phong Châu (Nay là UBND huyện Lâm Thao) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị K ngày 05/6/1997 và 01 nhà cấp 04 tổng diện tích khoảng 99m². Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bố mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông H không đồng ý ông đề nghị Tòa án chia thừa kế thừa

đất trên theo hiện trạng hiện nay đang sử dụng là 752m². Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H ½ thửa đất, còn ½ để làm nhà từ đường. Nếu cách chia trên không được thì ông đề nghị để ra 100m² đất của thửa đất trên để làm nhà từ đường và đứng tên ông H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất còn lại thì đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà P nhất trí với quan điểm của bà H, bà đề nghị chia thừa kế theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án bà H có cung cấp bản di chúc là bản viết tay dãn dò của ông Nguyễn Văn C nhưng ông H, bà H và bà P đều thống nhất không xem xét bản di chúc là bản viết tay dãn dò của ông Nguyễn Văn C. Các đương sự thống nhất phần diện tích đất là di sản thừa kế theo hiện trạng hiện nay đang sử dụng là 752m² và không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 vì ngôi nhà không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế đối với di sản của cụ C và cụ K là phù hợp.

- Đối với yêu cầu của bị đơn, ông Nguyễn Phong H đề nghị tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 và sân gạch phía trước là nhà của bố mẹ ông, là nơi thờ cúng cội nguồn, hiện nay vẫn sử dụng chung ông H đề nghị giữ lại nguyên vẹn làm nơi tâm linh thờ cúng chung của con cháu và được giữ gìn bảo vệ lâu dài. Bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị P không đồng ý với đề nghị của ông H. Ông H không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H.

[2.4] Xét về hàng thừa kế theo quy định của pháp luật:

- Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954, Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971.

- Thừa kế thế vị gồm có 04 người con của bà T: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1987. Ngoài ra không còn ai khác theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về di sản thừa kế: Theo biên bản thẩm định và định giá ngày 31/12/2020 thì di sản thừa kế là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh P có diện tích là 752m² (trong đó có 200m² đất ở và 552 m² đất vườn) có các chỉ giới là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1 (có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Theo biên bản định giá thì thửa đất có giá trị là: 200m² (đất ở) x 350.000đ = 70.000.000đ và 552 m² (đất vườn) x 95.000đ = 52.440.000đ. Tổng trị giá tài sản là 122.400.000đ.

- Đối với các tài sản 01 nhà cấp 4 năm gian, xây năm 1992, diện tích 99m², mái lợp ngói, 03 gian ngoài đóng trần tôn, nền nhà đất; 01 nhà bếp xây năm 1972; 01 sân lát gạch năm 1975; 01 giếng nước đào năm 1972 và 1 số cây cối trên đất. Bà H, bà P và ông H đều thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên đất vì các tài sản trên đất và 1 số cây cối không có giá trị.

- Đối với công sức duy trì và phát triển khối tài sản trên đất: Bà H xác định bà ở từ khi bố mẹ còn sống đến nay, nhưng bà không có công sức duy trì và phát triển khối di sản của bố mẹ bà để lại nên bà không có đề nghị gì.

Về chia thừa kế: Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy di sản thừa kế là diện tích đất 752m^2 có thể chia được bằng hiện vật, vì vậy phân chia di sản thừa kế cho mỗi người thừa kế được hưởng cụ thể như sau:

- Tài sản chung của cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị K là diện tích đất 752m^2 . Năm 1992 cụ Nguyễn Văn C chết thì phần di sản của cụ C được xác định là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là 376m^2 , diện tích 376m^2 còn lại là quyền sử dụng của cụ Khang. Vì vậy phần di sản của cụ C được chia thành 07 phần bằng nhau, cụ thể là $376\text{m}^2 : 7 = 53,7\text{m}^2$. Cụ Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Phong H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T nên mỗi người được hưởng $53,7\text{m}^2$. Như vậy phần diện tích cụ Nguyễn Thị K được hưởng là $376\text{m}^2 + 53,7\text{m}^2 = 429,7\text{m}^2$.

Năm 1993, bà Nguyễn Thị T chết nên phần di sản bà T được hưởng chia thành 06 phần cụ thể là $53,7\text{m}^2 : 6 = 8,95\text{m}^2$. Trong đó cụ Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Ngọc Ký, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P mỗi người được hưởng $8,95\text{m}^2$. Như vậy phần diện tích cụ Nguyễn Thị K được hưởng là $429,7\text{m}^2 + 8,95\text{m}^2 = 438,6\text{m}^2$.

Năm 2017, cụ K chết phần di sản của cụ K để lại được chia thành 06 phần. Cụ thể: $438,6\text{m}^2 : 6 = 73,1\text{m}^2$. Trong đó ông Nguyễn Văn M, Bà Nguyễn Thị P, Ông Nguyễn Phong H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu H mỗi người được hưởng $73,1\text{m}^2$. Những người hàng thừa kế thế vị là Chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P được hưởng 01 phần tương ứng là $73,1\text{m}^2$. Cụ thể chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P mỗi người được hưởng cụ thể là $73,1\text{m}^2 : 4 = 18,28\text{m}^2$.

- Như vậy phần di sản ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Phong H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu H mỗi người được hưởng là: $53,7\text{m}^2 + 73,1\text{m}^2 = 126,8\text{m}^2$.

Năm 2021, ông Nguyễn Ngọc K chết. Qua xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đã xác định được: bố mẹ đẻ ông Nguyễn Ngọc K là cụ Nguyễn Thị T và cụ Nguyễn Văn T đã chết như vậy phần di sản ông K được hưởng là $8,95\text{m}^2$ được chia thành 04 phần. Cụ thể là $8,95\text{m}^2 : 4 = 2,24\text{m}^2$, trong đó chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P, chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị T mỗi người được hưởng $2,24\text{m}^2$.

Phần của chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Hồng P, chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị T mỗi người được hưởng là $8,95\text{m}^2 + 18,28\text{m}^2 + 2,24\text{m}^2 = 29,47\text{m}^2$. Quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hồng P có

vấn bản từ chối quyền hưởng di sản thừa kế của mình đối với phần di sản được hưởng vì vậy chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị T, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ đối với phần của chị T và anh P được hưởng, cụ thể mỗi người được hưởng là $29,47\text{m}^2$. Chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị T mỗi người được hưởng tổng là $29,47\text{m}^2 + 29,47\text{m}^2 = 58,92\text{m}^2$.

Đối với phần di sản được hưởng của bà Nguyễn Thị P là $126,8\text{m}^2$, bà P đề nghị giao toàn bộ phần di sản bà được hưởng cho bà Nguyễn Thị Thu H sử dụng. Đối với phần di sản được hưởng của ông Nguyễn Văn M là $126,8\text{m}^2$, bà Nguyễn Thị K là $126,8\text{m}^2$, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Q mỗi người được hưởng là $58,92\text{m}^2$. Bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà K, chị T, chị Q đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần di sản được hưởng của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Q cho bà H sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao phần di sản được hưởng của ông M, bà K, bà P, chị T, chị Q cho bà H sử dụng là phù hợp.

Trong diện tích 752m^2 chỉ có 200m^2 đất ở nên diện tích đất ở cũng được chia đều cho các phần, vì vậy phần ông H được chia không đủ 50m^2 đất ở trong diện tích $126,8\text{m}^2$. Theo Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ thì diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở không nhỏ hơn 50m^2 , vì vậy cần giao cho ông Nguyễn Phong H đủ 50m^2 đất ở trong diện tích $126,8\text{m}^2$ và buộc ông H phải thanh toán chênh lệch giá trị đất ở và giá trị đất vườn đối với phần đất ở vượt quá. Tại phiên tòa bà H nhất trí giao cho ông Nguyễn Phong H 50m^2 đất ở trong diện tích đất $126,8\text{m}^2$ và không yêu cầu ông Hải phải thanh toán cho bà H tiền chênh lệch giá trị đất ở và đất vườn. Vì vậy ông Nguyễn Phong H không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị đất ở và đất vườn cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Như vậy, phần di sản ông Nguyễn Phong H được hưởng là $126,8\text{m}^2$ (trong đó 50m^2 đất ở và $76,8\text{m}^2$ đất vườn) trị giá là 24.796.000đ.

Phần di sản bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng là $625,2\text{m}^2$ (trong đó 150m^2 đất ở và $475,2\text{m}^2$ đất vườn) trị giá là 97.604.000đ.

[3] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 5.000.000đ. Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Phong H là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên ông Hải được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu H.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H được quyền sử dụng diện tích đất 625,2m² (trong đó 150m² đất ở và 475,2m² đất vườn). Có các chỉ giới là 1', 2', 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1'. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

- Giao cho ông Nguyễn Phong H được quyền sử dụng diện tích đất 126,8m² (trong đó 50m² đất ở và 76.8m² đất vườn). Có các chỉ giới là 1, 2, 2', 1', 1. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Ông Nguyễn Phong H không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị đất ở và đất vườn cho bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 5.000.000đ. Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 4.880.000đ (Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002753 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Bà H còn phải nộp số tiền 2.380.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Phong H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Việt Giang